

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 05 -2025

Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Th.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Th và ông Nguyễn Công Ch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc A - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị C - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/ 05/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197 /2024/TLST-HNGĐ ngày 15/ 10/2024 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/ 04/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/ 05/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh ngày 14/ 05/ 1987.

HKTT và chỗ ở: Thôn 7, xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1989.

HKTT và chỗ ở: Thôn 7, xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Anh Đ có mặt, chị C đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 06/ 7/2024, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đ trình bày:

- Về tình cảm: Anh Đ và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và cưới có đăng ký kết tại UBND xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 24/11/2008.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Đ và chị C thường hay cãi nhau, vợ chồng bất đồng trong việc nuôi dạy con chung. Chị C nghi ngờ anh Đ có mối quan hệ tình cảm với người con gái khác nên không tin tưởng anh Đ. Cả hai bên đã cố gắng giải quyết những bất đồng trong cuộc sống nhưng không có kết quả và từ tháng 06/2023 vợ chồng sống ly thân. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Anh Đ và chị Nguyễn Thị C có 02 con chung là Hoàng Kiều D, sinh ngày 11/08/2010; Hoàng Trung H, sinh ngày 23/08/2011. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ làm nghề tự do thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/1 tháng. Bố mẹ anh Đ cũng tạo điều kiện về chỗ ở cho anh Đ và các con của anh. Anh Đ có đủ thời gian và các điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy các con.

- Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ: Anh Đ và chị C không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Đ tự chịu toàn bộ theo quy định.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã Tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị C không đến để tham gia tố tụng, gây khó khăn cho việc tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đ được ly hôn với chị C; Về con chung giao cho anh Đ tiếp

tục nuôi dưỡng 2 con đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; Về tài sản chung, công sức, công nợ chung anh Đ không có yêu cầu giải quyết; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú ở xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

- Về tình cảm: Anh Hoàng Văn Đ và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết tại UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội ngày 24/11/2008. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày và trong việc nuôi dạy con nên dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ tháng 06/2023 vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đoàn. Anh Hoàng Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Anh Đ và chị Nguyễn Thị C có 02 con chung là Hoàng Kiều D, sinh ngày 11/08/2010 và cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 23/08/2011. Khi Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu nuôi con của anh Đ thì thấy: Anh Đ và chị C có 02 con chung là cháu Hoàng Kiều D, sinh ngày 11/08/2010 và Hoàng Trung H, sinh ngày 23/08/2011. Để đảm bảo quyền lợi của các con và theo nguyện vọng của 2

con sau ly hôn muốn được ở với anh Đ. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh Đoàn là phù hợp với Điều 58, 69, khoản 3 Điều 81 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Đ. Giao cho anh Đ tiếp tục được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 2 con đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác.

Chị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, con chung không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị Cương cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C cho đến khi có Quyết định khác.

[3] *-Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc anh Đ phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; 58, 69, 81 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn Đ. Anh Hoàng Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

1.1 - Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là cháu Hoàng Kiều D, sinh ngày 11/08/2010 và Hoàng Trung H, sinh ngày 23/08/2011 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác.

Chị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, con chung không ai được cản trở.

1.2-*Về cấp dưỡng nuôi con.* Anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C cho đến khi có Quyết định khác.

2- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ không có nên không yêu cầu giải quyết.

3 -Về án phí: Anh Hoàng Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0020187 ngày 14/10 /2024 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

4 - Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành